

Số: 53 /CQLTT-TTPC

Tuyên Quang, ngày 17 tháng 02 năm 2022

V/v triển khai thực hiện Nghị định số
134/2021/ND-CP của Chính phủ

Kính gửi:

- Các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ;
- Các Đội Quản lý thị trường trực thuộc.

Thực hiện Văn bản số 435/UBND-NC ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc triển khai thực hiện Nghị định số 134/2021/ND-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2019/ND-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tham nhũng (có văn bản gửi kèm theo). Cục Quản lý thị trường yêu cầu các Phòng, các Đội theo chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

1. Tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung và triển khai thực hiện nghiêm, hiệu quả Nghị định số 134/2021/ND-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ (Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2022) đến toàn thể cán bộ, công chức, người lao động trong phạm vi quản lý của đơn vị.

2. Giao phòng Thanh tra - Pháp chế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan theo dõi, hướng dẫn, báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 134/2021/ND-CP theo quy định.

Cục Quản lý thị trường yêu cầu Trưởng các Phòng chuyên môn, Đội trưởng các Đội Quản lý thị trường nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên (t/h);
- Lãnh đạo Cục QLTT (b/c);
- Website Cục QLTT Tuyên Quang;
- Lưu: VT, TTPC.

Q. CỤC TRƯỞNG



Hoàng Văn Hùng

Cơ quan phát hành: Văn phòng Chính phủ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 134/2021/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2021

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Theo đề nghị của Tổng Thanh tra Chính phủ;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng

1. Sửa đổi điểm i khoản 1 Điều 1 như sau:

“i) Điều 94 về xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.”

2. Sửa đổi khoản 3 Điều 21 như sau:

“3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về kết quả đánh giá của ngành, cấp mình và gửi kết quả đánh giá để Thanh tra Chính phủ rà soát, đánh giá và tổng hợp.”

3. Sửa đổi khoản 1 Điều 31 như sau:

“1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có chức vụ, quyền hạn có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý thông tin, báo cáo về xung đột lợi ích. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông tin, báo cáo thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định hoặc đề nghị người có thẩm quyền quản lý người đó áp dụng một trong các biện pháp kiểm soát xung đột lợi ích quy định tại các Điều 32, 33 và 34 của Nghị định này hoặc xử lý theo quy định của pháp luật.”

4. Sửa đổi khoản 2 Điều 34 như sau:

“2. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày có căn cứ được quy định tại khoản 1 Điều này thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định hoặc đề nghị người có thẩm quyền quản lý người có chức vụ, quyền hạn quyết định đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ đối với người có chức vụ, quyền hạn.”

5. Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 44 như sau:

“b) Hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển vị trí công tác khác đối với người có chức vụ, quyền hạn sau khi cơ quan có thẩm quyền kết luận người đó không có hành vi tham nhũng.”

6. Sửa đổi điểm d khoản 1 Điều 45 như sau:

“d) Đề nghị người ra quyết định tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển vị trí công tác khác hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ, tạm thời chuyển vị trí công tác khác sau khi cơ quan có thẩm quyền kết luận người đó không có hành vi tham nhũng.”

7. Sửa đổi khoản 1 Điều 48 như sau:

“1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan, tổ chức có thẩm quyền kết luận người có chức vụ, quyền hạn không có hành vi tham nhũng thì người đã ra quyết định phải hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển vị trí công tác khác đối với người có chức vụ, quyền hạn.”

8. Sửa đổi Điều 52 như sau:

“Điều 52. Khôi phục lại quyền, lợi ích hợp pháp của người có chức vụ, quyền hạn sau khi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền kết luận người đó không có hành vi tham nhũng

Người bị tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển vị trí công tác khác được trở lại vị trí công tác ban đầu sau khi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền kết luận người đó không có hành vi tham nhũng; được xin lỗi, cải chính công khai và được bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật trong việc ra quyết định tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển vị trí công tác khác theo quy định của pháp luật.”

9. Sửa đổi điểm d khoản 2 Điều 76 như sau:

“d) Vụ việc tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 15 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.”

10. Sửa đổi tiểu mục 1, Mục IX, Phần B Phụ lục Danh mục vị trí công tác phải định kỳ chuyển đổi như sau:

“1. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cho thuê đất, giao đất, quyền sở hữu, sử dụng tài sản gắn liền với đất.”

11. Sửa đổi tiểu mục 1, Mục X, Phần B Phụ lục Danh mục vị trí công tác phải định kỳ chuyển đổi như sau:

“1. Quản lý động vật thuộc danh mục quý hiếm.”

Điều 2. Điều khoản thi hành

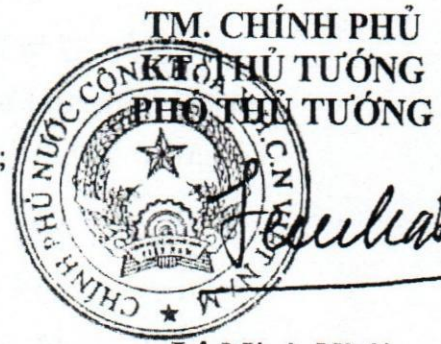
Nghị định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 02 năm 2022.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, V.I (2b). 110



TM. CHÍNH PHỦ
 PHÓ THỦ TƯỚNG

Lê Minh Khái